TOÀ ÁN ND HUYỆN YÊNTHẾ **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hnh phúc**

Bản án số: 08/2018/DSST
Ngày 24/5/2018
V/v: *Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ - BẮC GIANG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông PHm Hữu Luyện

- *Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Hải Đăng

2. Bà Nguyễn Thị Cương

- Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lương Thị Hoa Cán bộ Toà án nhân dân huyện Yên Thế.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Vi Văn Cảnh- Kiểm sát viên

Ngày 24/5/2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2017/TLST-DS ngày 12/10/2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐST-DS ngày 09/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐST-DS ngày 09/5/2018 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn*: Ông Phạm Minh Đ, sinh năm 1961

Địa chỉ: Thôn CC, xã Đ H, huyện YT, tỉnh Bắc Giang

Ủy quyền cho chị Lưu Thị L, sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn CC, xã Đ H, huyện YT, tỉnh Bắc Giang

+ *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị N, (Nguyễn Thị B) sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn CC, xã Đ H, huyện YT, tỉnh Bắc Giang

+ *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

Anh Lê Văn H, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn TM, xã ĐH, huyện YT, tỉnh Bắc Giang

Bà Dương Thị Xuân**,** sinh năm 1966 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn CC, xã ĐH, huyện YT, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Minh Đ trình bày: Từ ngày 30/5/2018 chị Nguyễn Thị N có mua thức ăn chăn nuôi tại gia đình ông với phương thức thanh toán là đầu tư từ khi bắt đầu nuôi lợn đến khi xuất bán sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền thức ăn chăn nuôi đã mua, tính đến ngày 09/9/2015 chị N còn nợ lại là 133.270.000đ, sau đó chị N trả một phần và còn nợ lại 53.270.000đ nay yêu cầu chị N trả tiền gốc và yêu cầu tính lãi với lãi suất 0,75%/tháng với số tiền lãi là 11.985.000đ.

Lời khai của bị đơn chị Nguyễn Thị N thể hiện: Chị có mua thức ăn chăn nuôi của gia đình ông Đ, trong quá trình mua bán có lần chịu có lần trả, nay còn nợ lại ông Đ bao nhiêu tiền chị không nhớ do chị chưa cộng sổ, ngày 13/6/2016 con dâu ông Đ vào nhà chị chốt sổ nhưng chị không rõ có ký vào sổ của bà Xuân hay không, nay chị thừa nhận còn nợ ông Đ nhưng không rõ nợ bao nhiêu do chị chưa đối chiếu sổ sách với ông Đ.

Lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Xuân thể hiện: Từ ngày 30/5/2018 chị Nguyễn Thị N có mua thức ăn chăn nuôi tại gia đình bà với phương thức thanh toán là đầu tư từ khi bắt đầu nuôi lợn đến khi xuất bán sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền thức ăn chăn nuôi đã mua, tính đến ngày 09/9/2015 chị N còn nợ lại là 133.270.000đ, sau đó chị N trả một phần và còn nợ lại 53.270.000đ nay yêu cầu chị N trả tiền gốc và yêu cầu tính lãi với lãi suất 0,75%/tháng với số tiền lãi là 11.985.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật như xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tranh chấp; đúng tư cách tham gia tố tụng; xác minh thu thập chứng; thủ tục thụ lý vụ án;

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Nguyên đơn: Chấp chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa chấp hành đúng quy định tại điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn: Chưa chấp hành đúng với quy định Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chấp hành đúng quy định của pháp luật tại Điều 70, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 428, Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 143, Điều 144; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Điều 2 Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh Đ buộc chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ông Phạm Minh Đ số tiền gốc 53.270.000đ và tiền lãi là 11.186.700đ

Miễn tiền án phí cho chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân huyện Yên Thế nhận định

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhiều lần tiến hành triệu tập anh H đến Tòa án làm việc nhưng anh H không đến do đó Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh H. Chị N, anh H, bà Xuân được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N, anh H, bà Xuân.

Về nội dung: Tại phiên toà nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu chị N trả số tiền gốc là 53.270.000đ và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 09/01/2016 đến nay là 0,75%/tháng x 28 tháng = 11.186.700đ.

Hội đồng xét xử nhận định: Về số tiền gốc 53.270.000đ, chị N có giao kết hợp đồng mua bán tài sản với ông Đ, bà Xuân với nội dung ông Đ, bà Xuân có bán cám chăn nuôi cho chị N để chăn nuôi phát triển kinh tế, trong quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 09/9/2015 chị N còn nợ lại là 133.270.000đ sau đó đến ngày 19/10/2015 trả 20.000.000đ, ngày 27/10/2015 trả 40.000.000đ, ngày

09/01/2016 trả 20.000.000đ còn nợ lại là 53.270.000đ các lần trả nợ đều có chữ ký của chị Nguyễn Thị N (Nguyễn Thị B) sau đó hai bên có làm Giấy nhận hẹn nợ đề ngày 13/6/2016 với nội dung chị N còn nợ lại là 53.270.000đ có chữ ký xác nhận của chị N do đó xác định chị N còn nợ lại là 53.270.000đ.

Về tiền lãi: Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 09/01/2016 đến nay là 0,75%/tháng x 28 tháng = 11.186.700đ. Hội đồng xét xử thấy rằng căn cứ Khoản 2, Điều 438 Bộ luật dân sự khi bên mua mua chậm trả nợ thì phải chịu lãi suất đối với số tiến chậm trả tính theo lãi suất cơ bản của ngân hàng Nhà nước. Tại thời điểm xét xử lãi suất của Ngân hàng nhà nước công bố theo quyết định số: 2868/QĐ-NHNN, ngày 29/11/2010 là 9%/năm (tức 0,75%/tháng) số tiền lãi là 53.270.000đ x 0,75%/tháng x 32 tháng = 11.186.700đ.

Yêu cầu khởi kiện của ông Đ có căn cứ theo quy định tại các điều Điều 428; Điều 438 Bộ luật dân sự nên cần buộc anh chị N trả cho ông Đ, bà Xuân tổng số tiền gốc và lãi là 64.456.700đ

Về trách nhiệm trả nợ: Chị N, anh H sống ly thân đã lâu mặt khác nguyên đơn yêu cầu chị N trả tiền do vậy cần buộc chị N trả khoản nợ này.

Đề đảm bảo quyền lợi của người được thi hành án cần áp dụng Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Yêu cầu của ông Đ là có căn cứ được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Chị N thuộc diện hộ cận nghèo nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, Hội đồng xét xử miễn tiền án phí cho chị N.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 428, Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 143, Điều 144; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Điều 2 Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh Đ buộc chị Nguyễn Thị N (Nguyễn Thị B) phải thanh toán cho ông Phạm Minh Đ, bà Dương Thị Xuân số tiền gốc 53.270.000đ và tiền lãi là 11.186.700đ tổng số tiền gốc và lãi là 64.456.700đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Nguyễn Thị N.

Ông Phạm Minh Đ không phải chịu án phí. Hoàn trả ông Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.608.000đ tại biên lai thu số AA/2012/02262 ngày 12/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời Hn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời Hn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Luyện